

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2019/HS-PT

Ngày: 09/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường;

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thúy Bình;

Ông Điều Văn Hằng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thư ký
Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Đức Minh, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 932/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Lê Quốc D và các bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do có kháng cáo của các bị cáo và nguyên đơn dân sự đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2018/HSST ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

**** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo:***

1. Trần Thị N, sinh năm 1975; nơi ĐKKHKT: P7 –M1, tập thể Mai Hương, phường M, quận T, thành phố H; nơi ở: Lô 3/2/1-151A, đường C, phường M, quận M, thành phố H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Trần Văn D (đã mất) và bà Trần Thị Đ; có chồng là Lê Quốc D và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang tại ngoại và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Thị Kim D1, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Tổ 68, phường M, quận M, thành phố H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 9/12; con ông Trần Văn D (đã mất) và bà Trần Thị Đ; có chồng là Mai Tất T và 02 con (con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2003); tiền án, tiền sự: không; hiện bị cáo đang tại ngoại và áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

**** Bị cáo bị kháng cáo:***

3. Lê Quốc D, sinh năm 1971; nơi ĐKKHKT: P7 –M1, tập thể Mai Hương, phường M, quận T, thành phố H; nơi ở: Lô 3/2/1-151A, đường C, phường M, quận M, thành phố H; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; con ông Lê Đức N và bà Nguyễn Thị C; có vợ là Trần Thị N và 03 con (con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Bản án HSPT số 06/2014/HSPT1 ngày 24/10/2014 của Tòa án quân sự Trung ương quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Lê Quốc D, tuyên phạt đối với Lê Quốc D 18 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù từ ngày bị bắt tạm giam 11/6/2013.

+ Bản án số 64/2016/HSST ngày 25/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt Lê Quốc D 20 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt 18 năm tù do Tòa án quân sự Trung ương xử ngày 24/10/2014, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 30 mười năm tù.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam 974 – Cục điều tra hình sự, Bộ Quốc phòng; có mặt.

* *Người bào chữa cho bị cáo Lê Quốc D*: Luật sư Hoàng Ngọc Thanh Bình – Văn phòng luật sư Kết Nối thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

* *Người bào chữa do Tòa án chỉ định cho bị cáo Trần Thị N và Trần Thị Kim D1*: Luật sư Đặng Thị Vân Thịnh – Văn phòng luật sư Kết Nối thuộc Đoàn luật sư thành phố H; có mặt.

* ***Nguyên đơn dân sự có kháng cáo***: Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB (TB)

Địa chỉ: Số 191, phố Bà Triệu, phường Lê Đại Hành, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công H, sinh năm 1991 và ông Phạm Minh Đ, sinh năm 1977, cán bộ xử lý nợ - Ngân hàng TMCP TB (theo Văn bản ủy quyền 868/2018/UQ-TCB ngày 21/8/2018 của bà Phạm Thị Nhị - Giám đốc Xử lý nợ - khối Quản trị rủi ro Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB); đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ngày 04/5/2013 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội nhận được đơn tố giác của Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (*viết tắt là SB*) và sau đó nhận đơn tố giác của các Ngân hàng Thương mại cổ phần TB (*viết tắt là TB*), Ngân hàng Thương mại cổ phần NB (*viết tắt là NB*), Ngân hàng PB (*viết tắt là PB*), Ngân hàng Thương mại cổ phần GB (*viết tắt là GB*) tố giác Lê Quốc D - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu inox CA có hành vi dùng thép không gỉ (inox) giả để làm tài sản bảo đảm thế chấp vay vốn tại các

ngân hàng, rồi chiếm đoạt với số tiền đặc biệt lớn, đến nay không có khả năng thanh toán.

Sau khi nhận được các đơn tố giác trên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành điều tra xác minh, xác định được như sau:

Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu inox CA (*gọi tắt là Công ty cổ phần CA*) được thành lập ngày 09/8/2004 theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0101520654 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp; Công ty cổ phần CA thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 08/12/2011 với nhiều ngành nghề kinh doanh, trong đó có kinh doanh kim loại, do Lê Quốc D làm Tổng Giám đốc và là người đại diện theo pháp luật; Công ty cổ phần CA có trụ sở tại số 15C15, tập thể thiết bị Bru điện Tân Mai, phường M, quận M, thành phố H; có nhà máy sản xuất inox và kho tại Lô 1, cụm Công nghiệp Quất Động, huyện T, thành phố H.

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, từ năm 2009 Công ty cổ phần CA có quan hệ tín dụng với nhiều Ngân hàng. Để được vay vốn tại các ngân hàng Lê Quốc D đã dùng các tài sản gồm: Bất động sản, nhà xưởng, phương tiện, máy móc, hàng hóa inox nguyên liệu cuộn và inox thành phẩm là hàng tồn kho luân chuyển, hình thành từ vốn vay để làm tài sản bảo đảm thế chấp tại các ngân hàng, các quan hệ tín dụng diễn ra bình thường.

Đến năm 2011, Công ty cổ phần CA đã nợ các Ngân hàng với số tiền vay đặc biệt lớn không có khả năng thanh toán. Vì vậy, Lê Quốc D đã thành lập các Công ty khác và nhờ người thân đứng tên làm Giám đốc - đại diện theo pháp luật. Sau đó, Lê Quốc D lập khống hồ sơ mua bán hàng hóa giữa các Công ty này để làm hồ sơ vay vốn tại các Ngân hàng.

Đồng thời Lê Quốc D ký nhiều Hợp đồng mua bán inox có thật với các Công ty khác, nhưng D chỉ dùng Hợp đồng mua bán, Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho hàng hóa... làm hồ sơ thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để được giải ngân. Còn inox Lê Quốc D đã bán cho các Công ty khác trước khi được các ngân hàng giải ngân.

Do lượng hàng hóa là inox thế chấp tại 5 ngân hàng rất lớn (5.404,887 tấn) nhưng thực tế Công ty cổ phần CA không có đủ khối lượng theo các Hợp đồng thế chấp (thực tế có 632,881 tấn), nên Lê Quốc D đã nảy sinh ý định làm giả các cuộn inox để làm tài sản bảo đảm.

Để làm giả các cuộn inox, Lê Quốc D chuẩn bị nguyên vật liệu gồm: Các thanh sắt hình chữ V, các tấm tôn, inox phế liệu và một số nguyên liệu khác, thuê kho của Công ty TNHH T, tại thôn N, xã H, huyện T, TP H do ông Đồng Sỹ T làm Giám đốc làm địa điểm sản xuất các cuộn inox giả. Sau đó, Lê Quốc D thuê các công nhân là Lê Văn H và Nguyễn Văn T làm các cuộn inox giả dưới 3 dạng như sau:

- *Dạng thứ nhất:* Dùng các thanh sắt hình chữ V hàn lại với nhau thành hình trụ tròn (giống dạng bánh lồng của máy cày), sau đó dùng 1 lớp inox bọc bên ngoài rồi dùng tôn bọc lại và dùng các tấm tôn phế phẩm đã được làm quần bọc 2 đầu, tiếp đó dùng máy thít đai để tạo hình giống cuộn inox thật.

- *Dạng thứ hai:* Dùng các thanh sắt hình chữ V hàn lại với nhau thành hình trụ tròn sau đó cho các cục bê tông được đúc sẵn, kích thước 20cm x 50cm x 10cm đưa vào trong, sau đó dùng 1 lớp inox bọc bên ngoài và dùng các tấm tôn bọc ngoài và 2 đầu, dùng đai thít lại.

- *Dạng thứ ba:* Dùng các thanh sắt hình chữ V hàn lại với nhau thành hình trụ tròn, sau đó đổ cát vào bên trong, dùng 1 lớp inox bọc bên ngoài, rồi dùng tôn bọc bên ngoài và 2 đầu của hình khối, sau đó được thít đai, tạo hình giống các cuộn inox thật.

Từ tháng 6/2012 đến tháng 12/2012, Lê Quốc D đã chỉ đạo Lê Văn H và Nguyễn Văn T, sản xuất 930 cuộn inox giả. Sau khi làm xong, Lê Quốc D chở về kho của Công ty cổ phần CA, rồi dán mác, tem nhập khẩu bên ngoài các cuộn inox giả giống như các cuộn inox thật. Lê Quốc D để tại kho của Công ty cổ phần CA 532 cuộn (trong đó: D sử dụng 96 cuộn thế chấp tại Ngân hàng Quân đội; 436 cuộn dùng thế chấp cho 05 Ngân hàng khác), còn lại 398 cuộn Lê Quốc D chuyển đến kho của Công ty CP XNK và sản xuất thương mại AM do Lê Thị Hồng V là chị gái D là Giám đốc với mục đích để làm tài sản bảo đảm vay vốn tại các ngân hàng.

Từ năm 2009 đến năm 2013, với thủ đoạn gian dối nêu trên, Lê Quốc D đã làm hồ sơ vay vốn rồi chiếm đoạt của 5 ngân hàng gồm: Ngân hàng Thương mại cổ phần SB, Ngân hàng Thương mại cổ phần TB, Ngân hàng Thương mại cổ phần NB, Ngân hàng LV, Ngân hàng Thương mại cổ phần GB, cụ thể như sau:

1. Ngân hàng TMCP SB (*viết tắt là SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng*):

SB là ngân hàng cổ phần có vốn nhà nước chiếm 7,61996%. Từ năm 2009 đến năm 2012, Công ty cổ phần CA được ngân hàng SB cấp 6 hạn mức tín dụng, trong đó có 2 Hợp đồng hạn mức tín dụng số DN10.08.18/HĐHMTD ngày 01/9/2010 và số DN12.02.02/HĐHMTD ngày 21/02/2012, mỗi hạn mức 50.000.000.000đ, thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng.

Sau khi được cấp 2 Hợp đồng hạn mức tín dụng nêu trên, Lê Quốc D và SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng ký Hợp đồng thế chấp hàng tồn kho luân chuyển số DN10.08.18/HĐTCTS ngày 01/9/2010 và Phụ lục Hợp đồng hàng tồn kho luân chuyển số DN10.08.18/PLHĐTCTS ngày 21/02/2012 (có nội dung xác định: *Giá trị tài sản thế chấp tối thiểu là 138.000.000.000đ để bảo đảm cho hạn mức tín dụng ngắn hạn 100.000.000.000đ; Tài sản thế chấp được phối hợp quản lý 3 bên theo Hợp đồng dịch vụ số 45/2012/BVHHTC ngày 11/01/2012 với Công ty TNHH*

MTV đầu tư dịch vụ bảo vệ Đông Nam Á - SB AMC tại kho của Công ty cổ phần CA).

Các tài sản Công ty cổ phần CA dùng thế chấp theo 2 Hợp đồng hạn mức nêu trên với SB bao gồm:

- Inox tồn kho, luân chuyển hình thành từ vốn vay, bao gồm: inox nguyên liệu cuộn: 195 cuộn = 1.173,963 tấn, inox thành phẩm là 177,414 tấn, có giá trị tại thời điểm thế chấp là 106.969.603.000 đồng;

- Bất động sản theo Giấy CNQSDĐ số AL234947 do UBND quận 12, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 26/12/2007 mang tên ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị H, trị giá tại thời điểm thế chấp là 1.700.000.000 đồng;

- Bất động sản theo Giấy CNQSDĐ số BB022925 do UBND quận M cấp ngày 23/7/2010 mang tên Lê Quốc D và Trần Thị N, trị giá tại thời điểm thế chấp là 5.676.000.000 đồng;

- 01 Sổ tiết kiệm mang tên Lê Quốc D trị giá 450.000.000 đồng.

Căn cứ theo Hợp đồng hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã làm hồ sơ vay vốn và đề nghị giải ngân. Trước khi giải ngân, SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng đã cử các cán bộ, nhân viên là: Trần Hữu X, Nguyễn Văn H, Nguyễn Trang N, Nguyễn Văn Q, Vũ Thị Hải Y tiến hành kiểm tra hàng hóa là tài sản bảo đảm theo Hợp đồng bảo vệ đã ký trên.

Do hàng hóa inox cuộn đều nguyên đai, nguyên niêm phong, quá trình kiểm tra tài sản thế chấp, để tránh sự phát hiện của cán bộ ngân hàng về việc thiếu khối lượng inox, Lê Quốc D đã dồn các cuộn inox thật và inox giả đã dùng thế chấp cho các Ngân hàng khác vẫn để cùng trong kho, nhưng khác vị trí cho đủ số lượng. Các nhân viên SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng kiểm tra không phát hiện được việc Lê Quốc D sử dụng các cuộn inox giả làm tài sản bảo đảm, vì vậy đã đề xuất giải ngân cho Công ty cổ phần CA theo các khế ước nhận nợ.

Từ tháng 7/2011 đến tháng 8/2012, Công ty cổ phần CA đã lập 17 hồ sơ tín dụng theo 17 khế ước nhận nợ được giải ngân tính đến ngày 07/6/2013 còn dư nợ số tiền là 66.787.741.000 đồng mà tài sản thế chấp là 1.336,144 tấn inox có giá trị là 105.828.220.000 đồng (*theo Phụ lục số 1 kèm theo Cáo trạng, trong đó: có 08 khế ước nhận nợ có inox thế chấp giả là 523.234 kg, trị giá 41.438.104.000 đồng; có 09 khế ước nhận nợ có inox thật nhưng đã bán trước khi giải ngân là 812.910 kg, trị giá là 64.390.116.000 đồng*).

Ngày 14/01/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội cùng các Ngân hàng tiến hành kiểm kê tại kho của Công ty cổ phần CA, xác định khối lượng inox thế chấp tại 05 Ngân hàng là 632.881 kg (trong đó có 439.726 kg inox cuộn nguyên liệu, 193.155 kg inox thành phẩm).

Theo Biên bản định giá tài sản ngày 13/5/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, thành phố H xác định: inox nguyên liệu giá 40.000 đồng/kg, inox thành phẩm có giá 41.000đ/kg, số inox thật còn trong kho có giá trị là 25.508.400.000 đồng = (439.726 kg x 40.000đ) + (193.155 kg x 41.000đ).

Theo thỏa thuận, 5 Ngân hàng liên quan trong vụ án đã thống nhất được hưởng khi chia số lượng inox thật thu giữ tính theo tỷ lệ inox theo hồ sơ Lê Quốc D dùng thế chấp tại các Ngân hàng thì SB có 1.371 tấn/5.792,02 tấn, mỗi tấn tương ứng số tiền: 4.404.000đ. Nên SB được hưởng số lượng inox thật theo tỷ lệ đã thỏa thuận có giá trị là 6.037.965.000 đồng để bảo đảm thanh toán.

Căn cứ kết quả định giá ngày 13/5/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín, thành phố H; ngày 28/5/2014 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T, thành phố H và kết quả định giá của SB AMC ngày 25/6/2014 xác định: Bất động sản tại quận 12, thành phố Hồ Chí Minh của ông Nguyễn Văn Đ và bà Dương Thị H là 736.000.000đ; Bất động sản tại phường Giáp Bát, quận M, thành phố H của vợ chồng Lê Quốc D là: 4.728.800.000đ. Đồng thời SB đã tất toán 01 Sổ tiết kiệm để thanh toán nợ gốc số tiền là 546.879.900đ.

Như vậy, bằng hành vi nêu trên, với danh nghĩa Công ty cổ phần CA vay vốn, Lê Quốc D còn chiếm đoạt của SB số tiền gốc là 66.787.741.000đ – (6.037.965.000đ + 736.000.000đ + 4.728.800.000đ + 546.879.900đ) = 54.738.096.100đ.

Ngoài ra, đối với các khoản vay từ tháng 7/2009 đến tháng 9/2011, Công ty cổ phần CA có 6 Giấy nhận nợ được giải ngân, tính đến thời điểm khởi tố vụ án ngày 07/6/2013 còn dư nợ là 3.754.198.000đ và 220.926,67USD nhưng khoản vay này có tài sản đảm bảo thế chấp là bất động sản, phương tiện, máy móc. Do vậy không liên quan đến hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Quốc D.

2. Ngân hàng GB - Chi nhánh Hà Nội

GB là ngân hàng cổ phần có 40% vốn Nhà nước. Ngày 06/02/2012, Công ty cổ phần CA ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 108.11.3955/HĐHM/PGBHN với GB - Chi nhánh Hà Nội, hạn mức là 40.000.000.000đ, thời hạn của mỗi khoản vay không quá 06 tháng. Sau khi hợp đồng tín dụng hạn mức này hết hiệu lực, ngày 28/02/2013, Công ty cổ phần CA ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 108.13.6375/HĐHM/PGBHN với GB - Chi nhánh Hà Nội có hạn mức là 80.000.000.000đ, tài sản bảo đảm là:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất tại địa chỉ số 45 ngõ Thịnh Hào 2, đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đ, TP H theo Giấy chứng nhận số 10109092506 do UBND quận Đ cấp ngày 12/5/2003, chủ sở hữu là

ông Nguyễn Anh T và vợ là bà Nguyễn Thị Mai A. Giá trị tài sản tại thời điểm thế chấp là 6.046.200.000 đồng;

- 806,017 tấn thép không gỉ, giá trị tại thời điểm thế chấp là 62.000.000.000 đồng (tài sản bảo đảm là hàng tồn kho luân chuyển).

Sau khi có hợp đồng hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã làm hồ sơ thủ tục vay vốn mà tài sản thế chấp inox nguyên liệu cuộn là hàng hóa tồn kho luân chuyển. Trước khi giải ngân, GB - Chi nhánh Hà Nội đã cử các nhân viên là Hoàng Phương Th, Nguyễn Mai L, Nguyễn Phương N đến kiểm tra hàng hóa, tài sản theo Hợp đồng thế chấp.

Để quản lý số tài sản đảm bảo là inox nói trên, GB - Chi nhánh Hà Nội đã ký hợp đồng bảo vệ với Công ty TNHH MTV Dịch vụ bảo vệ An ninh TT, trụ sở tại khu 3, phường Văn Phú, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, do ông Đặng Minh Q làm Giám đốc. Sau khi kiểm tra hàng hóa, đều được lập Biên bản bàn giao ba bên giữa Công ty cổ phần CA - GB - Công ty bảo vệ và hàng hóa được để tại kho của Công ty cổ phần CA.

Do việc giải ngân theo khế ước của các Ngân hàng không cùng một thời điểm, nên khi cán bộ và nhân viên GB - Chi nhánh Hà Nội kiểm tra tài sản bảo đảm, Lê Quốc D đã cho dồn các cuộn inox thật và inox giả đã dùng thế chấp cho các Ngân hàng khác để cùng kho, khác vị trí để nhân viên GB - Chi nhánh Hà Nội kiểm tra. Sau khi kiểm tra xong, D lại sử dụng các cuộn inox thật và inox giả (đã thế chấp và được kiểm tra) để làm tài sản bảo đảm cho các Ngân hàng khác (1 tài sản được thế chấp cho nhiều Ngân hàng).

Từ tháng 10/2012 đến tháng 03/2013, Công ty cổ phần CA có 16 Khế ước nhận nợ được giải ngân tính đến ngày 07/6/2013 còn dư nợ số tiền là 39.399.000.000 đồng mà tài sản thế chấp là 830,571 tấn inox có giá trị: 65.867.089.000 đồng (*theo Phụ lục số 2 kèm theo Cáo trạng: có 10 Giấy nhận nợ có inox thế chấp giả là 475.228 kg, trị giá là 37.435.117.000 đồng; có 06 Giấy nhận nợ có inox thật nhưng đã bán trước khi giải ngân là 355.343 kg, trị giá là 28.431.912.000 đồng*).

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã tiến hành trưng cầu Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín và yêu cầu GB tiến hành định giá tài sản mà Công ty cổ phần CA thế chấp tại GB. Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín ngày 13/5/2014 và kết quả định giá của GB ngày 25/6/2014, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở tại thửa đất tại địa chỉ số 45 ngõ Thịnh Hào 2, đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đ, TP H theo Giấy chứng nhận số 10109092506 do UBND quận Đ cấp ngày 12/5/2003, chủ sở hữu là

ông Nguyễn Anh T và vợ là bà Nguyễn Thị Mai A, giá trị tài sản là 6.046.200.000đồng

- Theo định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín xác định tổng số tiền inox các Ngân hàng thu được là 25.508.400.000 đồng. Theo thỏa thuận của 5 Ngân hàng liên quan trong vụ án thì GB có 806,017 tấn/5.792,02 tấn, mỗi tấn tương ứng số tiền: 4.404.000 đồng. Nên GB được hưởng số lượng inox thật theo tỷ lệ đã thỏa thuận có giá trị là 3.551.068.000 đồng để bảo đảm thanh toán.

Như vậy, bằng hành vi nêu trên, với danh nghĩa Công ty cổ phần CA vay vốn Lê Quốc D còn chiếm đoạt của GB số tiền nợ gốc 39.399.000.000đ – $(6.046.200.000đ + 3.551.068.000đ) = 29.801.732.000đ$.

3. Ngân hàng TMCP TB – Chi nhánh Hà Tây (TB - Chi nhánh Hà Tây):

TB là ngân hàng cổ phần có 2,72% vốn nhà nước (số cổ phần 878.807.871 cổ phần (trong đó Tổng Công ty Hàng không Việt Nam có 100% vốn Nhà nước sở hữu 24.033.426 cổ phần, chiếm 2,72%).

Ngày 12/12/2011, Công ty cổ phần CA ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2936/HĐHMTD/TBC HA TAY với TB - Chi nhánh Hà Tây cấp hạn mức 48.000.000.000đ và ngày 07/01/2013 ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 3237/HĐTD/TBC-INOXCHAUAU cấp hạn mức 68.800.000.000 đồng (trong đó hạn mức L/C là 20.800.000.000đ; hạn mức cho vay 48.000.000.000đ) thời hạn của mỗi khoản vay không quá 05 tháng.

Công ty cổ phần CA đã thế chấp toàn bộ các tài sản gắn liền với quyền sử dụng 10.000m² đất tại Cụm Công nghiệp Quất Động, xã Quất Động, huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây (cũ) nay là thành phố H, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00837 do UBND tỉnh Hà Tây cấp ngày 30/6/2008 cho Công ty TNHH MTV CU. Trong đó, nhà xưởng khung thép là 3.000m², nhà bê tông 1 tầng diện tích 195m², trị giá tại thời điểm thế chấp là 15.321.000.000 đồng.

Sau khi có hợp đồng hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã làm hồ sơ vay vốn tại TB - Chi nhánh Hà Tây, từng lần giải ngân, Công ty cổ phần CA đã dùng inox cuộn hình thành từ vốn vay với khối lượng 1.007,947 tấn làm tài sản bảo đảm.

Để thực hiện việc giải ngân, TB - Chi nhánh Hà Tây đã cử cán bộ, nhân viên là Nguyễn Thị An Phương, Lê Đức Phúc, Hoàng Quỳnh Loan đến kiểm tra hàng hóa, tài sản theo Hợp đồng thế chấp. TB đã ký hợp đồng bảo vệ với Công ty cổ phần đầu tư và kho vận A+, địa chỉ số 15, Đào Duy Từ, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, TP H do ông Vũ Kỳ Doanh làm Giám đốc, để bảo vệ hàng hóa, tài sản thế chấp. Sau khi cán bộ ngân hàng kiểm tra hàng hóa, đều được lập Biên

bản bàn giao ba bên giữa Công ty cổ phần CA - TB - Công ty bảo vệ, hàng hóa được để tại kho của Công ty cổ phần CA.

Cũng thủ đoạn đối phó với cán bộ ngân hàng đến kiểm tra tài sản bảo đảm như trên. Vì vậy, các cán bộ, nhân viên TB - Chi nhánh Hà Tây không phát hiện được việc D sử dụng các cuộn inox giả để làm tài sản thế chấp nên đã đề xuất giải ngân theo các khế ước nhận nợ.

Từ tháng 10/2012 đến tháng 01/2013, Công ty cổ phần CA có 13 Khế ước nhận nợ được TB - Chi nhánh Hà Tây giải ngân số tiền là 39.961.762.000 đồng mà tài sản thế chấp là 1.007,947 tấn inox có giá trị là 80.138.246.000 đồng (*theo Phụ lục số 3 kèm theo Cáo trạng: có 05 Khế ước nhận nợ có inox thế chấp giả là 386.305 kg, trị giá là 30.464.287.000 đồng; có 08 Giấy nhận nợ có inox thật nhưng đã bán trước khi giải ngân là 621.642 kg, trị giá là 49.673.959.000 đồng*).

Trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án (ngày 07/6/2013), Công ty cổ phần CA đã bàn giao cho TB 41,32 tấn inox để phát mại và thu số tiền là 758.256.333 đồng được hạch toán vào nợ gốc của Công ty cổ phần CA. Công ty cổ phần CA còn nợ TB số tiền gốc là 39.203.206.000 đồng.

Số inox Công ty cổ phần CA còn thế chấp tại TB là 1.022,82 tấn. Kết luận định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín xác định tổng số tiền inox các Ngân hàng thu được là 25.508.400.000 đồng. Theo thỏa thuận của 5 Ngân hàng liên quan trong vụ án thì TB có 1.022,82 tấn/5.792,02 tấn, mỗi tấn tương ứng số tiền: 4.404.000 đồng. Nên TB được hưởng số lượng inox theo tỷ lệ đã thỏa thuận có giá trị là 4.504.560.000 đồng để bảo đảm thanh toán.

Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín ngày 13/5/2014, bất động sản là nhà xưởng và tài sản gắn liền trên đất mà Lê Quốc D đã thế chấp cho TB có giá trị là 20.375.422.000 đồng.

Như vậy, bằng hành vi nêu trên, với danh nghĩa Công ty cổ phần CA vay vốn Lê Quốc D còn chiếm đoạt của Ngân hàng TB số tiền nợ gốc là: 39.203.206.000đ – (4.504.560.000đ + 20.375.422.000đ) = 14.323.224.000 đồng.

4. Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Thăng Long (Ngân hàng PB)

Ngân hàng PB là ngân hàng cổ phần không có vốn Nhà nước. Ngày 16/5/2012, Công ty cổ phần CA và Ngân hàng PB - Chi nhánh Thăng Long ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số M11012009-HĐHMTD với hạn mức cho vay ngắn hạn, hạn mức bảo lãnh và hạn mức phát hành L/C là 50.000.000.000đ, thời hạn mỗi khoản vay không quá 06 tháng.

Để được cấp hạn mức trên, Công ty cổ phần CA đã thế chấp cho Ngân hàng PB - chi nhánh Thăng Long:

- 1.302,034 tấn inox cuộn là hàng tồn kho luân chuyển, hình thành từ vốn vay theo 13 Hợp đồng thế chấp hàng hóa (tại thời điểm thế chấp tài sản bảo đảm trị giá là 93.382.211.000 đồng).

- 01 Sổ tiết kiệm số hiệu 183360, ngày phát hành 22/3/2013 mệnh giá 1.170.000.000 đồng mang tên Trần Thị N tại Ngân hàng PB để bảo lãnh cho Lê Quốc D đại diện Công ty cổ phần CA.

Sau khi có Hợp đồng hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã làm hồ sơ, thủ tục vay vốn. Từng lần giải ngân, Công ty cổ phần CA đều có Hợp đồng thế chấp hàng hóa cho Ngân hàng PB. Trước khi giải ngân, Ngân hàng đã cử nhân viên là Trần Văn Hưng, Nguyễn Thế Hưng, Trần Văn Hòa tiến hành kiểm tra và nhận bàn giao tài sản thế chấp.

Ngân hàng đã thuê Công ty cổ phần an ninh ĐG, địa chỉ số 491A, Nguyễn Văn Cừ, quận B, TP H do ông Ngô Văn D - Chủ tịch HĐQT ủy quyền cho bà Ca Thị Út Diệu - Giám đốc Công ty An ninh ĐG để bảo vệ tài sản là hàng hóa cho Ngân hàng PB để tại kho Công ty cổ phần CA.

Cũng thủ đoạn đối phó với cán bộ ngân hàng đến kiểm tra tài sản bảo đảm như trên. Vì vậy, các cán bộ, nhân viên Ngân hàng PB không phát hiện được việc D sử dụng các cuộn inox giả để làm tài sản thế chấp nên đã đề xuất giải ngân theo các khế ước nhận nợ.

Từ tháng 10/2012 đến tháng 02/2013, Công ty cổ phần CA có 18 Khế ước nhận nợ được Ngân hàng PB giải ngân số tiền là 49.942.320.000 đồng mà tài sản thế chấp là 964,77 tấn inox có giá trị là 74.294.938.000 đồng (theo Phụ lục số 4 kèm theo Cáo trạng: có 11 Khế ước nhận nợ có inox thế chấp giả là 674.816 kg, trị giá là 51.323.419.000đ; có 07 Giấy nhận nợ có inox thật nhưng đã bán trước khi giải ngân là 289.954 kg, trị giá là 22.971.519.000 đồng).

Trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án (ngày 07/6/2013), Công ty cổ phần CA đã bàn giao cho Ngân hàng PB 413,125 tấn inox cuộn để phát mại thu hạch toán vào nợ gốc số tiền là 9.893.736.000 đồng. Đồng thời, Ngân hàng đã tắt toán sổ tiết kiệm, thu số tiền gốc và lãi 1.172.730.000 đồng.

Theo định giá của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Thường Tín xác định tổng số tiền inox các Ngân hàng thu được là 25.508.400.000 đồng. Theo thỏa thuận của 5 Ngân hàng liên quan trong vụ án thì Ngân hàng PB có 888,799 tấn/5.792,02 tấn, mỗi tấn tương ứng số tiền: 4.404.000 đồng. Nên Ngân hàng PB được hưởng số lượng inox thật theo tỷ lệ đã thỏa thuận có giá trị là 3.914.324.000 đồng để bảo đảm thanh toán.

Tổng số tiền Ngân hàng PB đã thu hồi là 14.980.790.000 đồng = (1.172.730.000đ + 9.893.736.000đ + 3.914.324.000đ).

Như vậy, bằng hành vi nêu trên với danh nghĩa Công ty cổ phần CA vay vốn Lê Quốc D chiếm đoạt của Ngân hàng PB số tiền nợ gốc là: 49.942.320.000đ - 14.980.790.000đ = 34.961.530.000 đồng.

5. Ngân hàng TMCP NB – Chi nhánh Thái Nguyên (NB)

Ngân hàng TMCP NB là ngân hàng cổ phần không có vốn Nhà nước. Ngày 15/8/2011, NB ký Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số 001/11/HĐHM/119-11 cho Công ty cổ phần CA với hạn mức được cấp 100.000.000.000đ, thời hạn các khoản vay là 06 tháng.

Để được cấp hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất lô III-2/01, số 151A, Nguyễn Đức Cảnh, phường M, quận M, TP H, diện tích 140m², theo GCNQSDĐ quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BD 740975 do UBND quận M cấp ngày 26/5/2011 mang tên Lê Quốc D; trị giá tài sản tại thời điểm thế chấp là 17.300.000.000 đồng. Ngoài ra, Công ty cổ phần CA còn thế chấp tài sản là inox hình thành từ vốn vay, inox thành phẩm tồn kho.

Sau khi có hợp đồng hạn mức tín dụng, Công ty cổ phần CA đã làm hồ sơ xin giải ngân thông qua các Hợp đồng kinh tế mua inox với các Công ty khác mà tài sản thế chấp inox được hình thành từ vốn vay với khối lượng 1.723 tấn, trị giá tại thời điểm thế chấp 154.649.211.000 đồng.

Trước khi giải ngân, NB đã cử cán bộ, nhân viên của Ngân hàng là Bùi Văn Duẩn là Giám đốc Chi nhánh; Nguyễn Văn Phú là Phó Giám đốc Chi nhánh, tới kiểm tra hàng hóa và ký Hợp đồng thế chấp hàng hóa.

Để quản lý tài sản bảo đảm nói trên, NB đã ký hợp đồng dịch vụ bảo vệ với Công ty cổ phần dịch vụ bảo vệ 24/7, địa chỉ: quận B, thành phố H, do ông Nguyễn Mạnh Hải làm Tổng Giám đốc, để bảo vệ hàng hóa tại kho của Công ty cổ phần CA.

Cũng thủ đoạn dối phó với cán bộ ngân hàng đến kiểm tra tài sản bảo đảm như trên. Nên khi cán bộ và nhân viên NB là Bùi Văn Duẩn, Nguyễn Văn Phú đến kiểm tra tài sản bảo đảm không phát hiện được việc D sử dụng các cuộn inox giả để làm tài sản thế chấp nên đã đề xuất giải ngân theo các khế ước nhận nợ.

Từ tháng 7/2012 đến 3/2013, Công ty cổ phần CA còn dư nợ theo các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn kèm khế ước nhận nợ tại NB 26 khế ước số tiền gốc là 67.587.472.387 đồng mà tài sản thế chấp là 1.265,445 tấn inox có giá trị 85.343.532.000 đồng (*theo Phụ lục số 5 kèm theo Cáo trạng: có 7 Khế ước nhận nợ có inox thế chấp giả là 709.393 kg, trị giá là 51.123.145.000 đồng; có 6 Khế ước nhận nợ có inox thật nhưng đã bán trước khi giải ngân là 556.052 kg, trị giá là 34.220.387.000 đồng*).

Căn cứ kết quả định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín ngày 13/5/2014 và kết quả định giá của NB ngày 08/7/2014: Bất động sản đã thế chấp có giá trị 13.854.000.000 đồng.

Theo định giá của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện Thường Tín xác định tổng số tiền inox các Ngân hàng thu được là 25.508.400.000 đồng. Theo thỏa thuận của 5 Ngân hàng liên quan trong vụ án thì NB có 1.723 tấn/5.792,02 tấn, mỗi tấn tương ứng số tiền: 4.404.000đ. Nên NB được hưởng theo tỷ lệ có giá trị là 7.588.194.000 đồng để bảo đảm thanh toán.

Đồng thời, Trần Thị N đã trả số tiền 1.249.400.000 đồng cho NB.

Như vậy, bằng hành vi nêu trên với danh nghĩa Công ty cổ phần CA vay vốn Lê Quốc D đã chiếm đoạt của NB số tiền nợ gốc là 67.587.473.000đ – $(13.854.000.000đ + 7.588.194.000đ + 1.249.400.000đ) = 44.895.879.000$ đồng.

Tổng số tiền mà Lê Quốc D là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần CA đã chiếm đoạt của 5 Ngân hàng, gồm: SB, GB, TB, Ngân hàng PB và NB tiền gốc là: $54.738.096.000đ + 29.801.732.000đ + 14.323.224.000đ + 34.961.530.000đ + 44.895.879.000đ = 178.720.461.000$ đồng.

Ngoài việc với danh nghĩa Công ty cổ phần CA lập hồ sơ trực tiếp vay vốn tại các Ngân hàng, để tăng hạn mức tín dụng, Lê Quốc D thành lập các Công ty cổ phần thương mại inox HL; Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Thành Long; Công ty TNHH MTV CU và nhờ anh chị em làm Giám đốc để thực hiện việc vay vốn tại SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng, cụ thể như sau:

1. Công ty cổ phần thương mại inox HL (Công ty HL)

Công ty HL hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104121217 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp ngày 17/8/2009, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 2 ngày 22/8/2011; có trụ sở tại thôn Ngọc Hồi, xã Ngọc Hồi, huyện T, Hà Nội; Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán kim loại, quặng kim loại, quặng, máy móc thiết bị, phụ tùng... Công ty HL do Trần Thị Kim D1, sinh năm 1973 là chị vợ của Lê Quốc D làm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật.

Ngày 05/3/2011, Công ty HL được SB cấp hạn mức tín dụng số DN11.05.01/HĐHMTD là 9.900.000.000đ. Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, để được giải ngân, Công ty HL đã thế chấp tài sản gồm:

- 213,089 tấn inox;

- Bất động sản là thửa đất số 11 (2) tờ bản đồ số 36, diện tích 45m² tại thị trấn Văn Điển, huyện T, TP H; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 590986 mang tên Trần Thị Kim D1, giá trị tại thời điểm thế chấp là 2.160.000.000 đồng.

Công ty HL đã được SB giải ngân 02 lần, với số tiền là 9.900.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 15/12/2011: Theo Giấy nhận nợ số DN11.05.01/07 số tiền 3.000.000.000 đồng (tài sản bảo đảm là bất động sản và inox theo Hợp đồng mua bán khổng số 99/HL-AL giữa Công ty cổ phần XNK và Thương mại Âu Mỹ bán cho Công ty HL 65,319 tấn inox). Công ty HL đã thanh toán 478.460.500 đồng, còn dư nợ là 2.521.539.500 đồng.

- Ngày 24/12/2011: Theo Giấy nhận nợ số DN11.05.01/08 số tiền 6.900.000.000 đồng (tài sản bảo đảm inox theo 2 hợp đồng mua bán khổng số 104/HL-TL ngày 15/10/2011 và số 108/HL-MTV ngày 05/11/2011 giữa Công ty TL, Công ty MTV CU bán cho Công ty HL 147,77 tấn inox).

Toàn bộ số tiền 9.900.000.000 đồng SB giải ngân cho Công ty HL đều chuyển lại cho Lê Quốc D sử dụng.

Tài sản thế chấp là inox hiện còn 202,435 tấn được để tại kho của Công ty HL, tại Km 4, Cầu Tó, đường Phan Trọng Tuệ, huyện T, TP H. Để bảo vệ số inox này, SB đã thuê Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ An ninh TT, địa chỉ khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Thọ, do ông Đặng Minh Q làm Giám đốc. Đến ngày 01/9/2012, tài sản bảo đảm của Công ty HL được chuyển về kho tại tổ 4, phường Yên Sở, quận M, TP H (SB thuê Công ty CP dịch vụ bảo vệ an ninh ASC trông giữ).

Ngày 04/5/2013, SB và Lê Quốc D lập biên bản kiểm tra tài sản bảo đảm tại kho xác định trong kho có 40 cuộn inox giá; 10 cuộn inox phế liệu và 1 số inox thành phẩm dạng ống và hộp.

Trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, Công ty HL đã bàn giao 10,654 tấn inox cho SB để phát mại, thu được số tiền là 202.228.000 đồng, hạch toán thu vào nợ gốc của Công ty HL.

Ngày 14/12/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội tiến hành giám định các tài liệu liên quan, đến việc vay vốn, thế chấp hàng hóa, hợp đồng mua bán thép giữa Công ty HL với các Công ty khác. Ngày 13/01/2014, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

- Hợp đồng mua bán số 99 ngày 02/10/2011; Hợp đồng mua bán số 104 ngày 15/10/2011; Hợp đồng kinh tế số 108 ngày 05/11/2011; Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số DN11.05.01/08/HĐTC ngày 21/12/2011; Giấy nhận nợ lần 8 ngày 24/12/2011 số tiền 6.900.000.000đ - Là chữ ký của Trần Thị Kim D1.

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số DN 11.05/07/HĐKT ngày 14/12/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản số DN11.05.01/07 HĐTC ngày 14/12/2011; Giấy nhận nợ lần 7 ngày 15/12/2011; Hợp đồng thuê kho số 01 đại

diện Công ty cổ phần inox HL đứng tên Trần Thị Kim D1 là không phải chữ ký của Trần Thị Kim D1.

Trong 02 khế ước nhận nợ thì khế ước ngày 15/12/2012 với số tiền gốc 3.000.000.000 đồng (đã trả còn dư nợ 2.521.539.500đ) không phải chữ ký của Trần Thị Kim D1 nên D1 không phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền này (do Lê Quốc D ký giả chữ ký)

Ngày 07/12/2015, Trần Thị Kim D1 đã bán tài sản bảo đảm là bất động sản trả cho SB số tiền 1.400.000.000 đồng.

Như vậy, thông qua Công ty cổ phần thương mại inox HL, Lê Quốc D chiếm đoạt của SB số tiền gốc là 8.021.539.000 đồng.

Còn Trần Thị Kim D1 là Giám đốc Công ty HL đã đồng phạm giúp sức cho Lê Quốc D chiếm đoạt của SB số tiền gốc là: 9.900.000.000đ - 3.000.000.000đ - 1.400.000.000đ = 5.500.000.000 đồng.

2. Công ty CP sản xuất thương mại và dịch vụ TL (Công ty TL):

Công ty TL hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101206494 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố H cấp ngày 19/12/2006, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 12/7/2010; Công ty TL có trụ sở tại số 723, H11, tập thể Tân Mai, phường M, quận M, TP H; Ngành nghề kinh doanh: buôn bán thép không gỉ, sản xuất gia công hàng thêu, dệt may... Công ty TL do Lê Quốc K, sinh năm 1973, trú tại: số 26, phố Đ, phường Đ, quận K, TP H là em ruột của Lê Quốc D làm Giám đốc và người đại diện theo pháp luật.

Ngày 19/02/2011, Công ty TL được SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng cấp hạn mức tín dụng số: DN11.02.04/HĐHMTD là 9.900.000.000đ. Để được giải ngân, Công ty TL đã thế chấp tài sản gồm:

- 224,327 tấn inox;
- *Bất động sản tại thửa đất số 58(5) tờ bản đồ số 20, diện tích 61,8m² tại xã Đại Áng, huyện T, TP H, theo Giấy chứng nhận số BC 526049 do UBND huyện T cấp ngày 14/10/2010, mang tên Lê Quốc D, trị giá tại thời điểm thế chấp là 397.440.000 đồng.*

Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, trong các ngày 13/12/2011 đến 15/12/2011, Công ty TL đã được SB giải ngân 03 lần, với số tiền 9.000.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 13/12/2011: Theo Giấy nhận nợ số DN11.02.04/08 số tiền 2.700.000.000 đồng (*tài sản bảo đảm là bất động sản và inox theo Hợp đồng mua bán khổng số 90/TL-HL giữa Công ty HL bán cho Công ty TL 57,62 tấn inox*). Công ty HL đã thanh toán 210.000.000 đồng, còn dư nợ là 2.490.000.000 đồng.

- Ngày 13/12/2011: Theo Giấy nhận nợ số DN11.02.04/09 số tiền 3.000.000.000 đồng (*tài sản bảo đảm inox theo hợp đồng mua bán khổng số*

89/TL-MTV ngày 05/11/2011 giữa Công ty MTV CA bán cho Công ty TL 64,949 tấn inox).

- Ngày 15/12/2011: Theo Giấy nhận nợ số DN11.02.04/10 số tiền 3.300.000.000 đồng (tài sản bảo đảm inox theo hợp đồng mua bán khổng số 80/TL-AM ngày 20/10/2011 giữa Công ty CP XNK & Sản xuất AM bán cho Công ty TL 101,758 tấn inox).

Trước khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, Công ty TL bàn giao 22,433 tấn inox cho SB để phát mại, thu được số tiền 425.785.000 đồng, hạch toán thu vào nợ gốc của Công ty TL. Công ty HL còn nợ gốc số tiền là 8.364.215.000 đồng.

Tài sản thế chấp là thép không gỉ hiện còn 201,894 tấn được để tại kho của Công ty TL, tại số 943, đường T, phường Y, quận M, TP H. Để bảo vệ số thép này, SB đã thuê Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ An ninh TT, địa chỉ khu 3, phường P, thành phố T, tỉnh T do ông Đặng Minh Q làm Giám đốc.

Ngày 06/5/2013, SB và Lê Quốc D lập biên bản kiểm tra tài sản bảo đảm tại kho xác định trong kho có 54 cuộn inox giả; 8 cuộn inox đường kính 1m, khổ 60 và 1 số inox thành phẩm dạng ống và hộp.

Ngày 14/12/2013, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội tiến hành giám định các tài liệu liên quan, đến việc vay vốn, thế chấp hàng hóa, hợp đồng mua bán thép giữa Công ty TL với các Công ty khác. Ngày 13/01/2014, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội kết luận:

+ Hợp đồng thế chấp tài sản số DN11.02.04/8 ngày 05/12/2011; Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số DN11.02.04/8 ngày 05/12/2010 - Chữ ký đứng tên Lê Quốc K là do cùng một người ký ra.

+ Hình dấu tròn “Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Thành Long” trên các tài liệu cần giám định với hình dấu tròn “Công ty cổ phần sản xuất thương mại và dịch vụ Thành Long” là do cùng một con dấu đóng ra.

- Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo vệ số DN11.02.04/09 ngày 12/12/2011 và số DN 11.02.04/10 ngày 14/12/2011.

- Hợp đồng mua bán số 80 ngày 20/10/2011, số 89 ngày 05/11/2011, số 90 ngày 10/11/2011.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số DN11.02.04-09/HĐTC ngày 12/12/2011 và Hợp đồng thế chấp tài sản số DN11.02.04-10/HĐTC ngày 14/12/2011.

- Giấy nhận nợ số DN11.02.04/09 ngày 13/12/2011 và số DN11.02.04/10 ngày 15/12/2011.

- Đề nghị vay vốn ngày 05/12/2011.

- Phương án kinh doanh năm 2011 ngày 05/02/2011.

- *Hợp đồng hạn mức tín dụng số DN11.02.04 ngày 19/02/2011 không phải chữ ký của Lê Quốc K.*

Nên 2 khế ước Giấy nhận nợ ngày 13/12/2011, 15/12/2011 với số tiền 6.300.000.000 đồng không phải là chữ ký của Lê Quốc K, do vậy K không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này (Lê Quốc D ký giả chữ ký của Lê Quốc K). Công ty TL đã trả cho SB số tiền 635.785.000 đồng = (425.785.000đ + 210.000.000đ).

Như vậy, thông qua Công ty TL, Lê Quốc D đã chiếm đoạt của SB số tiền 9.000.000.000đ – 635.785.000đ = 8.364.215.000 đồng;

Lê Quốc K là Giám đốc Công ty TL đã đồng phạm giúp sức cho Lê Quốc D chiếm đoạt của SB số tiền gốc là: 9.000.000.000đ - 635.785.000đ - 6.300.000.000đ = 2.064.215.000 đồng.

3. Công ty TNHH MTV CU (Công ty MTV CU):

Công ty MTV CU hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0304000163 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp ngày 28/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 01/10/2009; trụ sở Công ty MTV CU tại xã Quất Động, huyện Thường Tín, TP H; ngành nghề kinh doanh: sản xuất vật liệu xây dựng, kim loại màu, Công ty TNHH MTV CU buôn bán sắt thép, kim loại... Công ty MTV CU do Trần Thị N, sinh năm 1975, trú tại: P7, M1, tập thể Mai Hương, phường M, quận T, TP H là vợ Lê Quốc D làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật từ khi thành lập đến nay.

Ngày 21/02/2011, Công ty MTV CU được SB - Chi nhánh Hai Bà Trưng cấp hạn mức tín dụng số DN11.02.05/HĐHMTD là 9.990.000.000đ. Để được giải ngân, Công ty MTV CU đã thế chấp tài sản gồm:

- 210,357 tấn inox;

- *Bất động sản: 01 bất động sản là quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD 244656 do UBND huyện Hoóc Môn, Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2010, mang tên ông Đỗ Đức Chuyên, giá trị tại thời điểm thế chấp là 1.484.000.000đ.*

Sau khi được cấp hạn mức tín dụng, Công ty MTV CU đã được SB giải ngân 03 lần, với số tiền 9.790.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 10/10/2011: Theo Giấy nhận nợ (lần thứ 4) số tiền 2.700.000.000 đồng (tài sản bảo đảm là bất động sản và inox theo Hợp đồng kinh tế không số 45/VM-MTV giữa Công ty CP inox VM bán cho Công ty MTV CU 59,21 tấn inox).

- Ngày 13/10/2011: Theo Giấy nhận nợ (lần thứ 5) số tiền 3.800.000.000 đồng (tài sản bảo đảm là inox theo Hợp đồng kinh tế không số 78/VM-MTV giữa Công ty CP inox VM bán cho Công ty MTV CU 80,95 tấn inox).

- Ngày 20/02/2012: Theo Giấy nhận nợ (lần thứ 6) số tiền 3.290.000.000đ (tài sản bảo đảm là inox theo Hợp đồng kinh tế không số 70028/HL-MTV giữa Công ty HL bán cho Công ty MTV CU 70,197 tấn inox).

Toàn bộ số thép thế chấp được để tại kho của Công ty cổ phần CA, tại cụm Công nghiệp Quất Động, huyện Thường Tín, TP H. Để bảo vệ số thép này, SB đã thuê Công ty TNHH MTV dịch vụ bảo vệ An ninh TT, do ông Đặng Minh Q làm Giám đốc.

Ngày 06/5/2013, SB và Lê Quốc D lập biên bản kiểm tra tài sản bảo đảm tại kho xác định trong kho có khoảng 32 cuộn inox, trong đó khoảng 90% là cuộn inox giả và 1 số inox thành phẩm dạng ống và hộp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội đã yêu cầu SB định giá tài sản là bất động sản đã dùng làm tài sản bảo đảm có giá trị là 687.000.000 đồng.

Như vậy, thông qua Công ty MTV CU, Lê Quốc D đã chiếm đoạt của SB số tiền gốc là 9.790.000.000đ - 687.000.000đ = 9.103.000.000 đồng; Trần Thị N là Giám đốc Công ty MTV CU đã đồng phạm với Lê Quốc D chiếm đoạt số tiền trên.

Tổng số tiền gốc Lê Quốc D còn chiếm đoạt của SB thông qua các Công ty HL, Công ty TL, Công ty MTV CU là: 8.021.539.000đ + 8.364.215.000đ + 9.103.000.000đ = 25.488.754.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 308/2018/HSST ngày 24/8/2018, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 45; 46; 106; 260; 268; 269; 299; 326; 327; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Nghị quyết số 41/2007/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Tuyên bố: Trần Thị N, Trần Thị Kim D1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

+ Bị cáo Trần Thị N 06 (sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Trần Thị Kim D1 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Lê Quốc D phải bồi thường trả:

1- Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB): 86.349.399.783 đồng.

Trường hợp bị cáo Lê Quốc D không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB) có quyền đề nghị Cục thi hành án dân sự thành phố H kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm sau đây theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ:

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất tại số nhà 3 ngách 24/83 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận M, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BB022925 do UBND quận M cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Lê Quốc D và bà Trần Thị N.

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 22, diện tích 130,5m² tại xã Tân Xuân theo GCN số BD244656 do UBND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/12/2010 mang tên ông Đỗ Đức Chuyên.

- Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 58(5) tờ bản đồ số 20, diện tích đất 61,8m² (trong đó 41,4m² sử dụng riêng và 20,4m² là ngõ đi chung); địa chỉ tài sản tại xã Đại Áng, huyện T, Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 526049 do UBND huyện T cấp ngày 14/10/2010 mang tên Lê Quốc D.

2- Ngân hàng Thương mại cổ phần GB (GB): 37.234.858.321 đồng.

Trường hợp Lê Quốc D không trả hoặc trả không đủ số tiền trên cho PG Bank, thì PG Bank có quyền yêu cầu Cục thi hành án dân sự thành phố H kê biên, phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ là: Giá trị quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Số 45 ngõ Thịnh Hào 2, đường Tôn Đức Thắng, phường Hàng Bột, quận Đ, TP H theo “Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở” số 10109092506, hồ sơ gốc số: 575.2003/QĐ-UB/166.2003 do UBND quận Đ, TP H cấp ngày 12/5/2003. Đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông Nguyễn Anh Tuấn và vợ là bà Nguyễn Thị Mai Anh.

3- Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB (TB): 20.023.362.375 đồng.

4- Ngân hàng thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt: 36.445.666.594 đồng.

5- Ngân hàng thương mại cổ phần QD (cũ là Ngân hàng Thương mại cổ phần NB): 47.921.456.385 đồng.

Tổng cộng 227.974.743.458 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong các khoản tiền còn phải thi hành thì bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì

người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về tang vật:

1- Hủy Biên bản kê biên ngày 14/01/2014 theo Lệnh kê biên tài sản số 04 ngày 18/10/2013 của Cơ quan CSĐT- Công an thành phố Hà Nội và tịch thu tiêu hủy đối với 436 cuộn cuộn inox giả đã thu giữ trong vụ án hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu inox CA do bị cáo Trần Thị N đang quản lý.

2- Buộc Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB (TB) phải hoàn trả các Ngân hàng số tiền tang vật (inox) còn lại đã bán chưa chia, cụ thể:

- Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB): 2.004.447.471 đồng.
- Ngân hàng Thương mại cổ phần GB (GB): 1.034.131.894 đồng.
- Ngân hàng thương mại cổ phần PB: 1.140.236.133 đồng.
- Ngân hàng thương mại cổ phần QD (cũ là Ngân hàng Thương mại cổ phần NB): 2.210.504.979 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Lê Quốc D, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Thị N, bị cáo Trần Thị Kim D1 có đơn kháng cáo vừa kêu oan, vừa xin giảm hình phạt.

Ngày 27/8/2018, TB có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về vấn đề thiệt hại, buộc bị cáo Lê Quốc D phải bồi thường số tiền bằng dư nợ gốc còn lại của Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu inox CA trừ đi số tiền TB thực thu được (sau khi trừ các chi phí có liên quan) theo tỉ lệ thỏa thuận giữa 5 Ngân hàng từ việc xử lý tài sản bảo đảm là lô hàng inox được cơ quan điều tra kê biên giao cho các Ngân hàng xử lý.

Tại Công văn số 1711/2019/XLN-TCB ngày 05/3/2019, TB đề nghị ghi nhận thỏa thuận giữa 5 Ngân hàng từ việc xử lý tài sản bảo đảm là lô hàng inox được cơ quan điều tra kê biên giao cho các Ngân hàng xử lý và xác định lại số tiền được đối trừ vào khoản tiền mà Lê Quốc D phải bồi thường cho TB là 519.959.124 đồng. Sau khi đối trừ, số tiền mà bị cáo Lê Quốc D phải bồi thường cho TB là 20.802.795.743 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo thay đổi kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa hai bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo ăn năn hối cải và cùng với bị cáo D khắc phục một phần hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho hai bị cáo.

Luật sư bào chữa cho hai bị cáo cho rằng tại phiên tòa hai bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo, nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, thể hiện các bị cáo ăn năn hối cải và cùng với bị cáo D khắc phục một phần hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm hình phạt cho hai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo xin giảm nhẹ của bị cáo Trần Thị N và Trần Thị Kim D1 thấy:

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo cơ bản đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Lời khai nhận của các bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của đại diện nguyên đơn dân sự, với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định:

Công ty cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu inox CA được thành lập từ tháng 8/2004, do Lê Quốc D là Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Lê Quốc D đã làm hồ sơ vay vốn tại 5 ngân hàng gồm: SB, GB, TB, NB (nay là Ngân hàng Quốc dân) và Ngân hàng PB theo hình thức cấp hạn mức tín dụng; Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc, bất động sản, phương tiện và thép không gỉ là hàng tồn kho luân chuyển và hình thành từ vốn vay.

Quá trình kinh doanh thua lỗ, không hiệu quả nên Lê Quốc D đã có hành vi gian dối trong việc lập hồ sơ vay vốn của các Ngân hàng để chiếm đoạt. Do lượng hàng hóa inox thế chấp tại các Ngân hàng rất lớn (*tổng lượng thép Công ty cổ phần CA, Công ty TL, Công ty MTV CU, Công ty HL thế chấp tại các Ngân hàng là 6.030,227 tấn, trong đó Công ty cổ phần CA là 5.404,887 tấn inox; Công ty HL, Công ty TL, Công ty MTV CU thế chấp tổng là 625,34 tấn inox*) nhưng thực tế lượng inox trong kho của Lê Quốc D chỉ có 632,881 tấn/6.030,227 tấn. Vì vậy, Lê Quốc D đã sử dụng nhiều hợp đồng khống mua bán 2.768,976 tấn inox, trị giá 211.784.132.000đ để dùng làm tài sản thế chấp cho 05 Ngân hàng (D làm 436 cuộn inox giả để làm tài sản bảo đảm hình thành từ vốn vay). Đồng thời, Lê Quốc D ký nhiều Hợp đồng mua bán inox có thật với các Công ty khác (2.635,901 tấn inox, trị giá 199.687.894.000đ), nhưng D chỉ dùng Hợp đồng mua bán, Hóa đơn

GTGT, Phiếu nhập kho hàng hóa... làm hồ sơ thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để được giải ngân. Còn inox Lê Quốc D đã bán cho các Công ty khác trước khi được Ngân hàng giải ngân.

Do việc giải ngân theo nhiều khế ước của các Ngân hàng không cùng một thời điểm, nên khi kiểm tra tài sản bảo đảm, để tránh sự phát hiện của cán bộ Ngân hàng về việc thiếu khối lượng inox, Lê Quốc D đã dồn các cuộn inox thật và inox giả đã dùng thế chấp cho các Ngân hàng khác vẫn để cùng trong kho, nhưng khác vị trí cho đủ số lượng. Sau khi kiểm tra xong, Lê Quốc D lại sử dụng các cuộn inox thật và inox giả (đã thế chấp và được kiểm tra) để làm tài sản bảo đảm cho các Ngân hàng khác (1 tài sản được thế chấp cho nhiều Ngân hàng).

Ngoài ra, Lê Quốc D còn sử dụng các hồ sơ mua bán hàng hóa không inox giữa các Công ty HL, Công ty TL, Công ty MTV CU do D thành lập và nhờ người thân đứng tên là Giám đốc, người đại diện theo pháp luật để sử dụng làm hồ sơ, tài sản thế chấp tại các Ngân hàng. Lê Quốc D điều hành toàn bộ hoạt động vay vốn và lập hồ sơ không đưa cho Trần Thị Kim D1, Lê Quốc K, Trần Thị N ký. Đồng thời, Lê Quốc D ký giả chữ ký của Lê Quốc K, Trần Thị Kim D1 trong một số Hợp đồng mua bán, hồ sơ vay vốn tại các ngân hàng.

Với thủ đoạn trên, Lê Quốc D đã chiếm đoạt của Ngân hàng 5 Ngân hàng, gồm: SB (80.226.850.000đ), Ngân hàng PB (34.961.530,000đ), Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (29.801.732.000đ), NB (44.895.879.000đ), TB (14.323.224.000đ) với tổng số tiền gốc là: 204.209.215.000 đồng.

Trần Thị N đồng phạm với Lê Quốc D chiếm đoạt của SB số tiền gốc là: 9.103.000.000 đồng.

Trần Thị Kim D1 đồng phạm với Lê Quốc D chiếm đoạt của SB số tiền gốc là: 5.500.000.000 đồng.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Thị N, Trần Thị Kim D1 về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án này thì thấy:

Lê Quốc D với vai trò chính trong vụ án, D đã chỉ đạo toàn bộ các khâu từ việc làm các cuộn inox giả để giả làm các tài sản thế chấp che dấu việc kiểm tra của các cán bộ Ngân hàng, lập hồ sơ không đưa cho Trần Thị Kim D1, Lê Quốc K, Trần Thị N ký.

Trần Thị N được D dựng lên với vai trò là giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Châu Âu, Trần Thị Dung được D dựng lên với vai trò là giám đốc Công ty HL đã giúp cho D trong việc lập hồ sơ không để chiếm đoạt tiền của các Ngân hàng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền bị cáo Trần Thị N giúp D

trong việc chiếm đoạt cao hơn Trần Thị Kim D1 nên vai trò của N là cao hơn D1 là đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, đã tích cực khắc phục hậu quả bằng cách phối hợp với các ngân hàng trong việc xử lý các tài sản bảo đảm, đã khắc phục được một phần hậu quả do các bị cáo gây ra, các bị cáo N, D1 phạm tội với vai trò thứ yếu, bị cáo N và bị cáo D còn là hai vợ chồng, bị cáo N và bị cáo D1 là hai chị em ruột, gia đình khó khăn, khi ký hợp đồng vay có sự nể nang tình cảm gia đình.

Đối với bị cáo Trần Thị N xuất trình đơn thuốc và giấy tờ khám bệnh và nuôi 3 con nhỏ. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét tình tiết bị cáo Trần Thị N có bố chồng có công với các mạng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Thị N xuất trình biên lai nộp tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB) số tiền 30.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo D. Tại công văn số 5819/2019 ngày 06/5/2019, Ngân hàng SB đề nghị rút một phần bồi thường 3.850.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo tại số nhà 3 ngách 24/83 phố Kim Đồng, phường Giáp Bát, quận M, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BB022925 do UBND quận M cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Lê Quốc D và bà Trần Thị N.

Đối với bị cáo Trần Thị Kim D1 xuất trình biên lai nộp tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB) số tiền 20.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo D, bị cáo Trần Thị Kim D1 có ông nội của chồng và anh trai chồng có công với các mạng.

Như vậy, bị cáo D1 và bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ, do đã khắc phục một phần thiệt hại và gia đình có công với cách mạng. Các bị cáo chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên cần xem xét giảm án cho các bị cáo.

[3]. Xét đơn kháng cáo của TB thấy:

Đại diện TB không kháng cáo về các vấn đề khác, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của các Ngân hàng đã tự chia tang vật vụ án theo Biên bản họp ngày 17/12/2018, cụ thể :

Ngân hàng thương mại cổ phần TB (TB) phải hoàn trả các Ngân hàng số tiền tang vật (inox) còn lại đã bán chưa chia, cụ thể:

- + Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB), số tiền 1.022.644.846 đồng.
- + Ngân hàng Thương mại cổ phần GB (GB) số tiền là 623.986.686 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần TB (TB) số tiền là 668.326.825 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần PB số tiền là 465.703.434 đồng.

- + Ngân hàng thương mại cổ phần QD (NCB) số tiền là 315.218.080 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần AB số tiền là 154.787.395 đồng.
- + Ngân hàng IB số tiền là 348.271.639 đồng.
- + Ngân hàng BB số tiền là 440.982.839 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy, việc thỏa thuận của các Ngân hàng theo Biên bản họp ngày 17/12/2018 là hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận.

Về án phí: Kháng cáo của các bị cáo và Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự và án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

- Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Trần Thị N, Trần Thị Kim D1.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Thị N, Trần Thị Kim D1 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt:

+ Bị cáo Trần Thị N 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Bị cáo Trần Thị Kim D1 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về việc xử lý tang vật: Sửa phần quyết định về việc “Buộc Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB (TB) phải hoàn trả các Ngân hàng số tiền tang vật (inox) còn lại đã bán chưa chia”, ghi nhận sự thỏa thuận của các Ngân hàng đã tự chia tang vật vụ án theo Biên bản họp ngày 17/12/2018, cụ thể :

- + Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB), số tiền 1.022.644.846 đồng.
- + Ngân hàng Thương mại cổ phần GB (GB) số tiền là 623.986.686 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB (TB) số tiền là 668.326.825 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần PB số tiền là 465.703.434 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần QD (NCB) số tiền là 315.218.080 đồng.
- + Ngân hàng thương mại cổ phần AB số tiền là 154.787.395 đồng.
- + Ngân hàng IB số tiền là 348.271.639 đồng.

+ Ngân hàng BB số tiền là 440.982.839 đồng.

- Ghi nhận bị cáo Trần Thị N nộp 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 07/5/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB) và bị cáo Trần Thị Kim D1 nộp 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng theo Giấy nộp tiền ngày 07/5/2019 của Ngân hàng Thương mại cổ phần SB (SB) để khắc phục một phần hậu quả cho bị cáo Lê Quốc D.

- Ghi nhận Ngân hàng SB đề nghị rút một phần bồi thường 3.850.000.000 đồng và rút toàn bộ yêu cầu xử lý đối với tài sản đảm bảo tại số nhà 3 ngách 24/83 phố Kim Đồng, Giáp Bát, quận M, thành phố H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BB022925 do UBND quận M cấp ngày 23/7/2010 mang tên ông Lê Quốc D và bà Trần Thị N.

- Về án phí: Các bị cáo và Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB không phải chịu án phí dân sự và án phí hình sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ thương mại TB 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số AA/2017/0006040 ngày 23/10/2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Cục T.H.A DS thành phố H;
- Trại giam 974 – Cục Điều tra hình sự - Bộ Quốc phòng;
- Bị cáo (qua Trại; theo đ/c);
- Nguyên đơn dân sự (theo đ/c);
- Lưu HS, Phòng HC-TP TANDCC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Cường